TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 265*/2023/QĐST/HNGĐ*

M, ngày 23 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 254/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/8/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chí Tr, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn C, xã T, huyện M, thành phố H.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn C, xã T, huyện M, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 61/2005, ngày 16/12/2005, tại UBND xã T, huyện M, thành phố H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/8/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*** Anh Nguyễn Chí Tr và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh T1,

sinh ngày 28/6/2008; Nguyễn Chí Minh C, sinh ngày 25/12/2009 và Nguyễn Chí Minh H, sinh ngày 18/8/2013.

Giao cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 28/6/2008 cho anh Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác;

Giao cháu Nguyễn Chí Minh C, sinh ngày 25/12/2009 và Nguyễn Chí Minh H, sinh ngày 18/8/2013 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tr đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là cháu C và H cùng chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/1 cháu); thời gian đóng góp: Kể từ tháng 09/2023 cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác; hình thức đóng góp: Mỗi tháng 01 lần. Sau khi ly hôn hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ**: Không yêu cầu, không xem xét.

- **Về án phí:** Anh Tr tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và phải nộp số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận anh Tr đã nộp đủ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/00201205 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND M.*
- *Chi cục THADS M.*
- *CQ đã thực hiện việc ĐKKH*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ; VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định